

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2020/DS-ST.

Ngày: 12/3/2020.

V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phù Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kiên Hiền.

2. Bà Lê Thị Xuân Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nhật Vi Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1192/2019/TLST-DS ngày 03/12/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐ-XX ngày 19 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Trụ sở: Lầu A, 266-268 B, Phường C, Quận D, Thành phố F.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đoàn Nguyễn Thanh T – Theo Giấy ủy quyền ngày 02/10/2019.

Địa chỉ: Lầu A, 266-268 B, Phường C, Quận D, Thành phố F.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Minh T, sinh năm 1986.

Trú tại: 400/8C G, Phường H, Quận D, Thành phố F.

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ông Đoàn Nguyễn Thanh T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 22/12/2014, ông Lê Minh T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là ngân hàng) có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp

thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-8554 với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng. Đến ngày 09/01/2016, ông T có đăng ký thêm thẻ JCB Motor Card 356480-1841 và nâng hạn mức sử dụng chung là 35.000.000 đồng. Cả hai thẻ đều có cùng mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất vay được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng. Ngoài ra, ông T còn phải thanh toán phí thường niên, phí giao dịch, phí trễ hạn cho Ngân hàng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện nhiều lần giao dịch với tổng số tiền là 136.850.525 đồng, cụ thể: thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-8554 là 114.648.640 đồng và thẻ JCB Motor Card 356480-1841 là 22.201.885 đồng. Sau đó, ông T đã thanh toán được một phần nợ cho Ngân hàng và ông T còn nợ Ngân hàng (tạm tính đến ngày 17/02/2020) như sau:

Đối với thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-8554:

- + Nợ gốc: 3.868.145 đồng.
- + Phí trễ hạn: 1.228.814 đồng.
- + Phí: 2.777.000 đồng.
- + Lãi quá hạn: 3.917.978 đồng.

Đối với thẻ tín dụng JCB Motor Card 356480-1841:

- + Nợ gốc: 29.344.371 đồng.
- + Phí trễ hạn: 1.679.133 đồng.
- + Phí: 897.000 đồng.
- + Lãi quá hạn: 19.020.760 đồng.

Tổng cộng: 62.733.201 đồng.

Do ông T đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông T thanh toán toàn bộ số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Minh T trình bày:

- Thừa nhận có ký với Ngân hàng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng như đại diện Ngân hàng đã trình bày tại Tòa án.

- Quá trình sử dụng hai thẻ tín dụng, ông T đã sử dụng hết hạn mức là 35.000.000 đồng và ông T đã thanh toán một phần nợ cho Ngân hàng như bảng sao kê giao dịch của Ngân hàng.

- Ông T không có ý kiến gì về cách tính lãi vay của Ngân hàng.

- Nay ông T chỉ đồng ý thanh toán nợ gốc, phí thường niên, phí giao dịch, phí trễ hạn cho Ngân hàng. Và ông T không đồng ý thanh toán nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng vì Ngân hàng không có thông báo trả nợ hàng tháng cho ông T.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hòa giải không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Ngân hàng yêu cầu ông T thanh toán các khoản sau (tạm tính đến ngày 11/3/2020):

Đối với thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-8554:

- + Nợ gốc: 3.868.145 đồng.
- + Phí trễ hạn: 1.228.814 đồng.
- + Phí: 2.777.000 đồng.
- + Lãi quá hạn: 4.062.855 đồng.

Đối với thẻ tín dụng JCB Motor Card 356480-1841:

- + Nợ gốc: 29.344.371 đồng.
- + Phí trễ hạn: 1.679.133 đồng.
- + Phí: 897.000 đồng.
- + Lãi quá hạn: 19.724.100 đồng.

Tổng cộng: 63.581.418 đồng. Thực hiện trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông T còn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng kể từ ngày 12/3/2020 cho đến khi ông T thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

2. Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng vì có cơ sở; không chấp nhận yêu cầu của ông T vì không có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét Ngân hàng và ông T có tranh chấp về hợp đồng tín dụng là thuộc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự”.

Xét ông T trú tại Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: các đương sự trong vụ án không có yêu cầu Tòa án giải quyết thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không giải quyết về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng quy định pháp luật để giải quyết vụ án:

Xét giao dịch do các bên xác lập và thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên áp dụng luật này để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu của các đương sự:

[4.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng và ông T cùng thống nhất: ông T có sử dụng 02 thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-8554 và JCB Motor Card 356480-1841 do Ngân hàng phát hành và 02 thẻ tín dụng có dư nợ như sau (tạm tính đến ngày 11/3/2020):

Đối với thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-8554:

- + Nợ gốc: 3.868.145 đồng.
- + Phí trễ hạn: 1.228.814 đồng.
- + Phí: 2.777.000 đồng.
- + Lãi quá hạn: 4.062.855 đồng.

Đối với thẻ tín dụng JCB Motor Card 356480-1841:

+ Nợ gốc: 29.344.371 đồng.
+ Phí trễ hạn: 1.679.133 đồng.
+ Phí: 897.000 đồng.
+ Lãi quá hạn: 19.724.100 đồng
Tổng cộng: 63.581.418 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định các tình tiết này là sự thật và không cần phải chứng minh.

[4.2] Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc, phí thường niên, phí giao dịch, phí trễ hạn:

Do tại phiên tòa sơ thẩm, ông T đồng ý thanh toán các khoản này cho Ngân hàng theo đúng yêu cầu của Ngân hàng nên Hội đồng xét xử ghi nhận và chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[4.3] Xét yêu cầu thanh toán nợ lãi:

Do tại phiên tòa sơ thẩm, ông T đã thừa nhận cách tính lãi của Ngân hàng nên chứng cứ này không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông T lại từ chối thanh toán nợ lãi cho Ngân hàng vì ông T cho rằng Ngân hàng đã vi phạm nghĩa vụ thông báo trả nợ hàng tháng cho khách hàng.

Về việc này, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Điều 7 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 15/8/2014 có quy định: *‘việc không nhận được hay nhận trễ thông báo sẽ không giải trừ Chủ thẻ ra khỏi các nghĩa vụ thanh toán của mình đối với số tiền đến hạn tối thiểu trên tài khoản vào ngày đến hạn được ghi trong thông báo’*.

Xét theo quy định trên, dù ông T không nhận được thông báo thanh toán nợ của Ngân hàng thì ông T vẫn có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nên việc ông T từ chối thanh toán nợ lãi cho Ngân hàng là không đúng. Và Ngân hàng có yêu cầu ông T thanh toán nợ lãi là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, ông T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng (tạm tính đến ngày 11/3/2020) như sau:

Đối với thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-8554:

+ Nợ gốc: 3.868.145 đồng.
+ Phí trễ hạn: 1.228.814 đồng.
+ Phí: 2.777.000 đồng.
+ Lãi quá hạn: 4.062.855 đồng.

Đối với thẻ tín dụng JCB Motor Card 356480-1841:

+ Nợ gốc: 29.344.371 đồng.
+ Phí trễ hạn: 1.679.133 đồng.
+ Phí: 897.000 đồng.
+ Lãi quá hạn: 19.724.100 đồng

Tổng cộng: 63.581.418 đồng. Thực hiện trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, ông T còn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân

hàng kể từ ngày 12/3/2020 cho đến khi ông T thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

[5] Như đã phân tích, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 là có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì án phí sơ thẩm được xác định như sau:

- Ông T phải nộp 3.179.070 đồng.
- Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.439.254 đồng theo biên lai thu số 0014867 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 184, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Lê Minh T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S các khoản sau (tạm tính đến ngày 11/3/2020):

Đối với thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-8554:

+ Nợ gốc: 3.868.145 đồng.

+ Phí trễ hạn: 1.228.814 đồng.

+ Phí: 2.777.000 đồng.

+ Lãi quá hạn: 4.062.855 đồng.

Đối với thẻ tín dụng JCB Motor Card 356480-1841:

+ Nợ gốc: 29.344.371 đồng.

+ Phí trễ hạn: 1.679.133 đồng.

+ Phí: 897.000 đồng.

+ Lãi quá hạn: 19.724.100 đồng

Tổng cộng: 63.581.418 đồng. Thực hiện trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Lê Minh T còn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S kể từ ngày 12/3/2020 cho đến khi ông Lê Minh T thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Minh T phải nộp 3.179.070 đồng.

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí

đã nộp là 1.439.254 đồng theo Biên lai thu tiền số 0014867 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.3;
- Chi cục THA dân sự Q.3;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phù Quốc Tuấn